

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

### CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

#### NĂM BÁO CÁO 2017

(từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017)

#### I. Thông tin chung

##### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **3600512830**
- Vốn điều lệ: **929.623.130.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 929.623.130.000 đồng
- Địa chỉ: G4A, khu phố 4, phường Tân Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai
- Số điện thoại: 0251.3823187 Số fax: 0251.3829043
- Website: [www.tienlengroup.com.vn](http://www.tienlengroup.com.vn)
- Mã cổ phiếu: **TLH**

##### Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển:
  - + Ngày 18/08/2009 Công ty TNHH Tiến Lên thực hiện chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến lên với mức vốn thực góp là 449.530.000.000 VNĐ.
  - + Ngày 05/10/2009 Công ty hoàn tất việc phát hành riêng lẻ 9.047.000 cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên công ty và một số cổ đông chiến lược bên ngoài (dưới 100 cổ đông), tăng vốn lên 540.000.000.000 VNĐ. Từ thời điểm này, Tiến Lên chính thức trở thành công ty đại chúng và đã đăng ký với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.
  - + Ngày 09/09/2010, Công ty phát hành 3.706.814 cổ phiếu, tỷ lệ 6,86% để tăng vốn điều lệ lên 577.068.140.000 đồng.
  - + Ngày 25/03/2013, Công ty phát hành 4.674.719 cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 8,10 % để tăng vốn điều lệ lên 623.815.330.000 đồng.
  - + Ngày 25/03/2013, Công ty phát hành 18.304.155 cổ phiếu để hoán đổi lấy 15.040.283 cổ phiếu của Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Phúc Tiến vào Công CP tập đoàn thép Tiến Lên, tỷ lệ 29,34% để tăng vốn điều lệ lên 806.856.880.000 đồng.

- + Ngày 17/02/2016, Công ty phát hành 3.959.876 cổ phiếu, tỷ lệ 4,9% để tăng vốn điều lệ lên 846.455.640.000 đồng.
  - + Ngày 14/07/2017, Công ty phát hành 8.316.749 cổ phiếu, tỷ lệ 10% để tăng vốn điều lệ lên 929.623.130.000 đồng.
  - Các sự kiện khác: không có
- 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**
- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).
    - Sản xuất và kinh doanh sắt thép (không sản xuất tại trụ sở)
  - Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).
    - + Các tỉnh miền Bắc (Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Quảng Ninh, Thái Bình, Phú Lý, Thanh Hoá)
    - + Các tỉnh miền Trung (Đà Nẵng, Quảng Nam, Bình Thuận, Bình Định)
    - + Các tỉnh miền Đông Nam Bộ (TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Vũng Tàu, Bình Dương, Tây Ninh, Bình Phước)
    - + Các tỉnh miền Tây Nam Bộ (Cần Thơ, Vinh Long, Long An)
- 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**
- Mô hình quản trị.
    - + Đại hội đồng cổ đông;
    - + Hội đồng quản trị;
    - + Ban kiểm soát;
    - + Ban điều hành.
  - Cơ cấu bộ máy quản lý.
    - + Đại hội đồng cổ đông;
    - + Hội đồng quản trị;
    - + Ban kiểm soát;
    - + Ban điều hành;
    - + Kế toán trưởng;
    - + Các đơn vị, bộ phận chuyên môn
  - Hội đồng quản trị công ty gồm 05 thành viên, cụ thể bao gồm:
 

1. Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch HĐQT
2. Bà Phạm Thị Hồng	Thành viên
3. Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên
4. Ông Dương Quang Bình	Thành viên
5. Ông Đặng Tuấn Đại	Thành viên

- Ban kiểm soát công ty gồm 03 thành viên, cụ thể bao gồm:
  1. Bà Lê Thị Hồng Liễu                      Trưởng ban kiểm soát
  2. Bà Cao Thị Hoài Thu                      Thành viên
  3. Bà Nguyễn Thị Tâm                      Thành viên
  
- Ban điều hành công ty trong năm 2017 bao gồm:
  1. Bà Phạm Thị Hồng                      Tổng Giám đốc
  2. Ông Nguyễn Văn Quang                      Phó Tổng giám đốc
  3. Ông Dương Quang Bình                      Phó Tổng giám đốc
  4. Bà Đào Thị Kim Loan                      Kế toán trưởng
  
- Các Phòng ban/bộ phận chuyên môn của Công ty:
  1. Phòng kế toán
  2. Phòng kinh doanh
  3. Phòng nhân sự
  4. Phòng đầu tư
  5. Hệ thống các chi nhánh, cửa hàng ...
  
- ✓ Các công ty con, công ty liên kết:
  1. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc
    - Địa chỉ: Lô 08, đường Song Hành, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP HCM Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh thép
    - Vốn điều lệ thực góp: 120.000.000.000 đồng
    - Tỷ lệ sở hữu của công ty: 95,83%
  
  2. Công ty TNHH Thép Tây Nguyên
    - Địa chỉ: Lô 12-14, đường số 1, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP HCM Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh thép
    - Vốn điều lệ thực góp: 161.000.000.000 đồng
    - Tỷ lệ sở hữu của công ty: 97,35%
  
  3. Công ty TNHH MTV Thép Phúc Tiến
    - Địa chỉ: Lô 3-9A, Cụm TTCN Hai Bà Trưng, P. Hoàng Văn Thụ, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh thép
    - Vốn điều lệ thực góp: 214.400.300.000 đồng

- Tỷ lệ sở hữu của công ty: 100%

#### 4. Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Tam Phước, xã Tam Phước, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh thép
- Vốn điều lệ thực góp :360.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của công ty: 48%

#### ✓ Danh sách công ty sở hữu gián tiếp:

##### 1. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên

- Địa chỉ: Thôn Nghĩa Trai, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh thép
- Vốn điều lệ thực góp :80.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu gián tiếp của công ty: 100%

##### 2. Công ty TNHH Phúc Tiến – Hải Phòng

- Địa chỉ: Thôn Bắc Hà, xã Bắc Sơn, Huyện An Dương, TP Hải Phòng Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh thép
- Vốn điều lệ thực góp: 37.500.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu gián tiếp của công ty: 72%

#### 4. Định hướng phát triển

##### ✓ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2017:

1. Tập trung cải tiến năng lực quản lý;
2. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng;
3. Đầu tư và phát triển hệ thống;
4. Áp dụng công nghệ thông tin vào quản trị công ty;
5. Tăng cường, củng cố và ổn định năng lực tài chính.

##### ✓ Chiến lược phát triển trung và dài hạn giai đoạn 2015 – 2019:

1. Xây dựng phương thức hoạt động theo thể chế kinh tế thị trường (khách hàng, người lao động, cổ đông), coi đây là tiền đề quyết định để công ty phát triển;
2. Cải cách đổi mới của từng bộ phận, từng lĩnh vực, tiếp tục bổ sung nhân sự tại các vị trí còn thiếu. Thực hiện phân quyền, giao vốn cho các đơn vị thành viên được chủ động trong hoạt động kinh doanh;

3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin (CNTT) trong sản xuất và trong quản lý, xem CNTT là nền tảng của công thức phát triển mới;
4. Tập trung phát triển mảng công nghệ điện tử để tận dụng yếu tố công nghệ;
5. Đa dạng hóa các nhà cung cấp để chủ động hàng hóa đầu vào trong đó có việc xúc tiến và triển khai ký kết các hợp đồng đại lý cấp 1 với các nhà sản xuất trong nước như Posco SS, Formosa, Hòa Phát để khai thác hệ thống kho và năng lực bán hàng hiện tại.

✓ **Các mục tiêu phát triển bền vững:**

1. Hoàn thiện bộ máy hoạt động, ổn định sản xuất;
2. Củng cố lại quy chế tài chính: vấn đề tỷ giá, vấn đề về thiên tai, vấn đề về chính sách, đề ra giải pháp cân đối các chỉ tiêu phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh phù hợp với đặc thù của từng thời kỳ. Phối hợp hiệu quả với các cơ quan kiểm toán để đảm bảo thời gian báo cáo minh bạch, chính xác các hoạt động trước Đại hội đồng cổ đông và nhà đầu tư;
3. Tập trung điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản xuất, nâng cao uy tín các mặt hàng truyền thống, đảm bảo sức lan tỏa các sản phẩm đến tận từng khách hàng;
4. Với vai trò là công ty mẹ, Công ty CP Tập đoàn Thép Tiến Lên đóng vai trò điều phối hạt nhân của hệ thống Tập đoàn, kết nối các thành viên trong Tập đoàn nhằm tăng cường nguồn lực về tài chính và quản trị cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

**5. Các rủi ro:**

1. Rủi ro về tỷ giá;
2. Rủi ro về chính sách của Nhà Nước;
3. Rủi ro về thiên tai, bất khả kháng ...

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- ✓ *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:*

<b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2017</b>		
<b>Chỉ tiêu chính</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>2017</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>VND</b>	<b>4,972,694,192,712</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	VND	1,142,631,566
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>VND</b>	<b>4,971,551,561,146</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>VND</b>	<b>4,372,611,938,603</b>
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>VND</b>	<b>598,939,622,543</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	VND	8,002,552,143
Chi phí tài chính	VND	77,742,895,646
Trong đó: Chi phí lãi vay	VND	79,688,538,669
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	VND	24,697,665,533
Chi phí bán hàng	VND	61,290,192,032
Chi phí quản lý doanh nghiệp	VND	54,266,606,386
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>VND</b>	<b>438,340,146,155</b>
Thu nhập khác	VND	3,385,597,701
Chi phí khác	VND	5,626,105,418
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>VND</b>	<b>(2,240,507,717)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>VND</b>	<b>436,099,638,438</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VND	89,421,936,565
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VND	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>VND</b>	<b>346,677,701,873</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ</b>	<b>VND</b>	<b>340,710,371,245</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát</b>	<b>VND</b>	<b>5,967,330,628</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>3,724</b>

- + Trong năm 2017, CTCP Tập Đoàn Thép Tiên Lên đã hoàn thành xuất sắc kết quả kinh doanh mà Đại hội cổ đông thường niên 2017 đã đề ra;
- + Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và toàn thể CBCNV tập đoàn đã hoàn thành tốt vai trò, trách nhiệm và đóng góp của mình vào thành công trên;
- + Kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2017, là tiền đề, là động lực để Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc tiếp tục định hướng những thành công trên vào các kế hoạch kinh doanh sắp tới, các chính sách mới trong năm 2018 để đạt kết quả kinh doanh tốt hơn nữa mang lại sự phát triển, tăng trưởng bền vững cho Công ty.

✓ **Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

<b>DÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SO VỚI NĂM TRƯỚC VÀ SO VỚI KẾ HOẠCH</b>						
Chỉ tiêu	Đơn vị	2016	2017	Tăng/giảm %	KH 2017	% Kế hoạch
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	VND	4,042,428,628,890	4,971,551,561,146	23.0%	4,500,000,000,000	10.5%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND	469,371,011,320	346,677,701,873	-26.1%	265,320,000,000	30.7%

- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2017 đạt trên 4.971 tỷ đồng, tăng 23% so với năm 2016 và tăng hơn 10.5% so với kế hoạch đề ra;
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017 đạt hơn 346 tỷ đồng, giảm 26.1% so với năm 2016 và tăng hơn 30.7% so với kế hoạch đề ra;

*Đánh giá:* Năm 2017 là một năm thành công của CTCP Tập Đoàn Thép Tiến Lên xét trên khía cạnh doanh thu và lợi nhuận, tuy có giảm về lợi nhuận so với năm 2016 nhưng nhìn chung, ban lãnh đạo đã hoàn thành xuất sắc mức tăng trưởng đáng kể cả về doanh thu và lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra trong năm vừa qua.

**2. Tổ chức và nhân sự.**

- *Danh sách Ban điều hành:* (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác.

<b>1. Bà Phạm Thị Hồng</b>	Năm sinh: 1968	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Văn Hóa: 12/12	Chuyên môn: Quản trị kinh doanh	
Quá trình công tác và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết		
Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
1993 - 2001	DNTN Thép Tiến Lên	Quản lý
2002 - 10/2009	Công ty TNHH Tiến Lên	Giám đốc
10/2009 - Hiện tại	CTCP Tập Đoàn Thép Tiến Lên	Tổng Giám đốc
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết		<b>11.53%</b>

<b>2. Ông Nguyễn Văn Quang</b>	Năm sinh: 1961	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Văn Hóa: 12/12	Chuyên môn: Quản trị kinh doanh	
Quá trình công tác và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết		
Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
1993 - 2001	DNTN Thép Tiến Lên	Tướng phòng kinh doanh
2002 - 10/2009	Công ty TNHH Tiến Lên	Phó Giám đốc
10/2009 - Hiện tại	CTCP Tập Đoàn Thép Tiến Lên	Phó Tổng Giám đốc
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết		<b>9.59%</b>

<b>3. Ông Dương Quang Bình</b>	Năm sinh: 1964	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Văn Hóa: 12/12	Chuyên môn: Cử nhân kinh tế; Cử nhân Luật	
Quá trình công tác và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết		
Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
2/1987 - 4/1990	Công ty Cung ứng dịch vụ Vĩnh An	Kế toán trưởng
5/1990 - 3/1995	Công ty Cung ứng dịch vụ Vĩnh An	Phó phòng kế toán
4/1995 - 4/1999	Trạm kinh doanh thương mại tổng hợp	Kế toán trưởng
	Công ty Thương Mại Dịch Vụ Biên Hòa	Phó phòng kế toán
	Công ty Thương Mại Dịch Vụ Biên Hòa	Phó phòng kế hoạch và đầu tư
	Trung tâm kinh doanh XNK hàng thủ công mỹ nghệ - Công ty TM DV Biên Hòa	Giám đốc trung tâm
5/1989 - 2002	DNTN Tiến Lên	Kế toán trưởng
10/2002 - 2003	Công ty TNHH Tiến Lên	Kế toán trưởng
1/2003 - 2009	Công ty TNHH Tiến Lên	Phó Giám đốc
1/2010 - Hiện tại	CTCP Tập Đoàn Thép Tiến Lên	Phó Tổng Giám đốc
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết		<b>0.03%</b>



<b>4. Bà Đào Thị Kim Loan</b>	Năm sinh: 1977	Chức vụ: Kế toán trưởng
Văn Hóa: 12/12	Chuyên môn: Kế toán tài chính	
Quá trình công tác và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết		
Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
2002 - 2007	Công ty TNHH Tiến Lên	Kế toán tổng hợp
2007 - 10/2009	Công ty TNHH Tiến Lên	Kế toán trưởng
10/2009 - Hiện tại	CTCP Tập Đoàn Thép Tiến Lên	Kế toán trưởng
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết		<b>0.07%</b>

- Những thay đổi trong ban điều hành: *không có.*
- Số lượng cán bộ, nhân viên:
  - *Số lượng CBCNV tập đoàn tính tới ngày 31/12/2017 là trên: 500 người.*

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn trong năm: *không có.*
- b) Các công ty con, công ty liên kết:

#### 1. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH		
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI PHÚC		
Chỉ tiêu	Đơn vị	2017
Doanh thu thuần	VND	1,605,415,027,088
Lợi nhuận gộp	VND	78,409,789,440
Lợi nhuận trước thuế	VND	33,036,760,273
Lợi nhuận sau thuế	VND	24,979,918,629

#### 2. Công ty TNHH Thép Tây Nguyên

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH		
CÔNG TY TNHH THÉP TÂY NGUYÊN		
Chỉ tiêu	Đơn vị	2017
Doanh thu thuần	VND	1,483,818,299,021
Lợi nhuận gộp	VND	103,229,270,342
Lợi nhuận trước thuế	VND	75,322,415,642
Lợi nhuận sau thuế	VND	59,571,281,866

**3. Công ty TNHH MTV Thép Phúc Tiến**

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH		
CÔNG TY TNHH MTV THÉP PHÚC TIẾN		
Chỉ tiêu	Đơn vị	2017
Doanh thu thuần	VND	997,443,263,673
Lợi nhuận gộp	VND	97,783,591,428
Lợi nhuận trước thuế	VND	76,023,488,311
Lợi nhuận sau thuế	VND	60,576,765,916

**4. Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam**

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH		
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC NAM		
Chỉ tiêu	Đơn vị	2017
Doanh thu thuần	VND	1,338,409,162,453
Lợi nhuận gộp	VND	83,896,450,989
Lợi nhuận trước thuế	VND	52,425,059,830
Lợi nhuận sau thuế	VND	40,509,382,937

- *Danh sách công ty sở hữu gián tiếp:*

**3. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên**

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH		
CÔNG TY TNHH PHÚC TIẾN HƯNG YÊN		
Chỉ tiêu	Đơn vị	2017
Doanh thu thuần	VND	758,895,034,579
Lợi nhuận gộp	VND	73,969,316,193
Lợi nhuận trước thuế	VND	60,145,682,317
Lợi nhuận sau thuế	VND	48,076,400,972

#### 4. Công ty TNHH Phúc Tiến – Hải Phòng

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH		
CÔNG TY TNHH PHÚC TIẾN HẢI PHÒNG		
Chi tiêu	Đơn vị	2017
Doanh thu thuần	VND	449,043,216,765
Lợi nhuận gộp	VND	19,757,600,719
Lợi nhuận trước thuế	VND	14,752,738,063
Lợi nhuận sau thuế	VND	11,759,078,138

#### 4. Tình hình tài chính

##### a) Tình hình tài chính

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH				
Chi tiêu	Đơn vị	2016	2017	Tăng/giảm %
Tổng giá trị tài sản	VND	2,393,826,133,295	2,891,989,176,087	20.8%
Doanh thu thuần	VND	4,042,428,628,890	4,971,551,561,146	23.0%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	VND	544,837,864,569	438,340,146,155	-19.5%
Lợi nhuận khác	VND	2,714,863,778	(2,240,507,717)	-182.5%
Lợi nhuận trước thuế	VND	547,552,728,347	436,099,638,438	-20.4%
Lợi nhuận sau thuế	VND	469,371,011,320	346,677,701,873	-26.1%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	VND	4,993	3,724	
P/E (ngày 08/03/2018)	Lần	2.5	3.3	

- Tổng giá trị tài sản năm 2017 đạt gần 2.892 tỷ, tăng 20.8%; Doanh thu thuần tăng 23% so với năm 2016. Các chỉ tiêu trên tăng do Công ty chủ động bán hàng mạnh và nhu cầu thị trường năm 2017 cũng tăng khá cao đối với sản phẩm thép của Công ty.
- Do giá vốn hàng bán đầu năm tăng cao, dẫn tới Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 giảm 19.5% so với năm 2016. Điều này ảnh hưởng tới Lợi nhuận trước và sau thuế năm 2017 lần lượt giảm tương ứng là 20.4% và 26.1% so với cùng kỳ.
- **Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt mức 3.724 đồng/cổ phiếu. Xét trên khía cạnh P/E thời điểm ngày 08/03/2018 (giá cổ phiếu TLH ngày 08/03/2018 là 12.450) thì PE của TLH ở mức 3.3 lần, thấp hơn P/E của ngành hiện tại rất nhiều. Chứng tỏ giá hiện tại của**

TLH trên thị trường chưa phản ánh đúng giá trị thật và cổ phiếu TLH vẫn còn đang rất tiềm năng cho các nhà đầu tư tham gia vào trong thời gian tới.

- Các chỉ tiêu khác: không có
- b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

<b>CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU</b>		
Chỉ tiêu	2016	2017
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn		
<i>(Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)</i>	1.64	1.71
Hệ số thanh toán nhanh		
<i>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)</i> ----- <i>Nợ ngắn hạn</i>	0.35	0.59
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.45	0.46
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.83	0.84
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
Vòng quay hàng tồn kho		
<i>Giá vốn hàng bán</i> ----- <i>Hàng tồn kho bình quân</i>	2.43	2.96
<i>Doanh thu thuần</i> ----- <i>Tổng tài sản</i>	1.69	1.72
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	0.12	0.07
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	0.36	0.22
Hệ số LNST/Tổng tài sản	0.20	0.12
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0.13	0.09

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.****a) Cổ phần:**

- Vốn điều lệ	: 929.923.130.000 đồng
- Tổng số cổ phần	: <b>92.962.313</b> cổ phần (*)
+ Cổ phiếu đang lưu hành	: <b>91.502.313</b> cổ phần
+ Cổ phiếu quỹ	: <b>1.460.000</b> cổ phần

(\*): Tất cả số cổ phần này đều là cổ phần tự do chuyển nhượng.

**b) Cơ cấu cổ đông:**

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước					
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI					
	- Trong nước					
	- Nước ngoài					
3	Cổ đông lớn	<b>37.504.027</b>	<b>40.34%</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>3</b>
	- Trong nước	<b>37.504.027</b>	<b>40.34%</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>3</b>
	- Nước ngoài	<b>0</b>	<b>0%</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
4	Công đoàn Công ty					
	- Trong nước					
	- Nước ngoài					
5	Cổ phiếu quỹ	<b>1.460.000</b>	<b>1.57%</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>0</b>
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)					

7	Cổ đông khác	53.998.286	58.09%	5.950	66	5.884
	- Trong nước	48.784.646	52.48%	5.910	54	5.856
	- Nước ngoài	5.213.640	5.61%	40	12	28
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>92.962.313</b>	<b>100.00%</b>	<b>5.954</b>	<b>67</b>	<b>5.887</b>
Trong đó: - Trong nước		87.748.673	94.39%	5.914	55	5859
- Nước ngoài		5.213.640	5.61%	40	12	28

c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:*

Trong năm 2017, CTCP Tập Đoàn Thép Tiến Lên chỉ có 1 đợt tăng vốn như sau:

**I. Cổ phiếu dự kiến phát hành**

1. Tên cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên
2. Vốn điều lệ: 846.455.640.000 đồng
3. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 83.185.564 cổ phiếu
4. Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.460.000 cổ phiếu
5. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
6. Mã chứng khoán: TLH
7. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
8. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 8.318.556 cổ phiếu
9. Mục đích phát hành: trả cổ tức bằng cổ phiếu đợt 2 năm 2016
10. Ngày chốt danh sách cổ công: theo Thông báo số 796/TB-SGDHCM của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 04 tháng 07 năm 2017
11. Ngày đăng ký cuối cùng: 14/07/2017
12. Ngày dự kiến giao dịch cổ phiếu phát hành: theo Thông báo chấp thuận niêm yết bổ sung từ Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

**II. Kết quả phát hành cổ phiếu**

1. Số lượng cổ phiếu đã phân phối: 8.316.749 cổ phiếu
2. Số cổ đông được phân phối: 5.954 cổ đông
3. Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ: Hủy cổ phiếu lẻ
4. Tổng số cổ phiếu hiện tại là: **92.962.313** cổ phiếu, trong đó:
  - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: **91.502.313** cổ phiếu
  - Số lượng cổ phiếu quỹ: **1.460.000** cổ phiếu

**d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

- + Trong năm 2017, Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ;
- + Cổ phiếu quỹ hiện tại là: **1.460.000** cổ phiếu.

**e) Các chứng khoán khác: không có****III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.**

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SO VỚI NĂM TRƯỚC VÀ SO VỚI KẾ HOẠCH						
Chỉ tiêu	Đơn vị	2016	2017	Tăng/giảm %	KH 2017	% Kế hoạch
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	VND	4,042,428,628,890	4,971,551,561,146	23.0%	4,500,000,000,000	10.5%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND	469,371,011,320	346,677,701,873	-26.1%	265,320,000,000	30.7%

+ Kết thúc năm 2017, Tổng doanh thu thuần của Công ty trong năm đạt 4.972 tỷ đồng, tăng 23.0% so với cùng kỳ và vượt 10.5% so với kế hoạch. Do giá thép thế giới và trong nước biến động tăng mạnh, sản lượng thép tiêu thụ tương đối tốt cho nên Công ty đạt mức lợi nhuận sau thuế tương đối cao là 346,7 tỷ đồng vượt 30.7% kế hoạch đặt ra.

+ Theo đó, Công ty đã kế thừa được sự tăng trưởng bền vững nhằm hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển ổn định theo định hướng chiến lược mới của Công ty, kết quả thực tế trong năm 2017 đã đem lại sự phấn khởi, tự tin và tạo thêm sức mạnh cho toàn hệ thống đi vào giai đoạn phát triển mới trong năm 2018 và những năm tiếp theo.

<b>HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH</b>				
<b>Chỉ tiêu chính</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>	<b>Tăng/giảm %</b>
<b>Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh</b>				
Chi phí giá vốn hàng bán	VND	3,381,389,716,213	4,372,611,938,603	29.3%
Chi phí bán hàng	VND	49,168,707,825	61,290,192,032	24.7%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	VND	39,207,783,567	54,266,606,386	38.4%
Chi phí tài chính	VND	62,471,437,292	77,742,895,646	24.4%
Chi phí lãi vay	VND	62,071,147,672	79,688,538,669	28.4%
<b>Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh</b>				
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	VND	4,042,428,628,890	4,971,551,561,146	23.0%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VND	661,038,912,677	598,939,622,543	-9.4%
Doanh thu hoạt động tài chính	VND	6,400,690,250	8,002,552,143	25.0%
Lợi nhuận trước thuế	VND	547,552,728,347	436,099,638,438	-20.4%
Lợi nhuận sau thuế	VND	469,371,011,320	346,677,701,873	-26.1%
Tỷ suất lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	%	16.4%	12.0%	
Tỷ suất LNTT/Doanh thu thuần	%	13.5%	8.8%	
Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần	%	11.6%	7.0%	
Tỷ suất LNST/Tổng tài sản - ROA	%	19.6%	12.0%	
Tỷ suất LNST/VCSH - ROE	%	35.8%	22.1%	

- + Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2017 tăng 23.0% so với năm 2016, tuy nhiên Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của các chỉ tiêu tăng từ 24% đến 38% dẫn tới Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 9.4% so với cùng kỳ;
- + Lợi nhuận trước và sau thuế năm 2017 giảm lần lượt tương ứng 20.4% và 26.1% so với năm 2016, lý do từ đầu năm 2017 giá thép thế giới tăng cao dẫn tới giá thép trong nước cũng tăng và biến động mạnh, nên giá vốn hàng bán cũng tăng dẫn tới lợi nhuận giảm so với cùng kỳ năm trước.



**2. Tình hình tài chính****a) Tình hình tài sản:**

<b>TÌNH HÌNH TÀI SẢN</b>				
Chi tiêu	Đơn vị	2016	2017	Tăng/giảm %
Tài sản ngắn hạn	VND	1,771,901,209,296	2,257,958,164,556	27.4%
Tiền mặt	VND	85,175,085,583	160,182,246,769	88.1%
Các khoản phải thu	VND	271,787,078,184	613,081,098,521	125.6%
Hàng tồn kho	VND	1,393,933,544,679	1,477,033,698,466	6.0%
Tài sản dài hạn	VND	621,924,923,999	634,031,011,531	1.9%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>VND</b>	<b>2,393,826,133,295</b>	<b>2,891,989,176,087</b>	<b>20.8%</b>

- + Tài sản ngắn hạn năm 2017 đạt mức 2.258 tỷ, tăng 27.4% so với năm 2016;
- + Hàng tồn kho đạt mức 1.477 tỷ tại ngày 31/12/2017, tăng 6% so với năm 2016;
- + Tổng tài sản đạt mức 2.892 tỷ, tăng 20.8% so với năm 2016.

**b) Tình hình nợ phải trả:**

<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Chi tiêu	Đơn vị	2016	2017	Tăng/giảm %
Nợ ngắn hạn	VND	1,083,832,154,593	1,320,683,069,094	21.9%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	VND	909,660,303,087	953,006,773,130	4.8%
Phải trả người bán	VND	103,765,251,200	313,947,955,378	202.6%
Nợ dài hạn	VND	155,800,000	149,000,000	-4.4%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>VND</b>	<b>1,083,987,954,593</b>	<b>1,320,832,069,094</b>	<b>21.8%</b>
Tổng vốn chủ sở hữu	VND	1,309,838,178,702	1,571,157,106,993	20.0%
Tổng Nợ phải trả/Tổng Vốn CSH	%	82.76%	84.07%	

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

- + Nợ ngắn hạn năm 2017 tăng 21.9% so với năm 2016;

- + Tổng nợ phải trả năm 2017 tăng 21.8% so với năm 2016;
- + Tổng vốn chủ sở hữu năm 2017 tăng tương ứng là 20% so với năm 2016;
- + Tổng nợ trên Vốn chủ sở hữu dưới 1.0, chứng tỏ mức độ an toàn nợ của Công ty được kiểm soát chặt chẽ và an toàn, điều này đem đến mức an toàn và chủ động về vốn.

CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Chỉ tiêu	Đơn vị	2016	2017	Tăng/giảm %
Chi phí tài chính	VND	62,471,437,292	77,742,895,646	24.4%
- Chi phí lãi vay	VND	62,071,147,672	79,688,538,669	28.4%
- Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	VND	97,777,484	480,373,813	391.3%
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	VND	130,092,081	785,464,122	503.8%
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	VND	491,746,420	853,794,915	73.6%
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	VND	-	18,516,712	#DIV/0!
- Hoàn nhập/Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	VND	(443,223,990)	(4,161,518,305)	838.9%
- Chi phí tài chính khác	VND	123,897,625	77,725,720	-37.3%

- Chi phí tài chính trong năm 2017 là 77,7 tỷ đồng, tăng 24.4% so với năm 2016;
- Trong đó, chi phí lãi vay năm 2017 là 79,7 tỷ đồng tăng 28.4% so với năm 2016.

#### IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần).

##### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

- Tổ chức thường xuyên các phiên họp định kỳ để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, phương hướng hoạt động và các kế hoạch quan trọng chủ chốt khác của công ty, nhằm chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Tổ chức các phiên họp bất thường khác để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh;
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý của Công ty, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của toàn hệ thống.

##### 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty.

- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty với thành tích đạt được khả quan;
- Ban Tổng Giám đốc đã có các chỉ đạo linh hoạt phù hợp với tình hình thực tiễn thị trường, thận trọng hơn trong các quyết định mua bán và luôn giữ lượng hàng tồn kho ở mức hợp lý;

- Ban Tổng Giám đốc cũng đề ra các giải pháp phù hợp để khắc phục các nhược điểm, khó khăn trong năm 2016 và triển khai thực hiện nghiêm túc trong năm 2017 vừa qua;

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

- Trong năm 2018, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, bám sát tình hình thực tế để dự báo, chỉ đạo và hỗ trợ ban Tổng Giám đốc và ban điều hành Công ty phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng định hướng và mục tiêu đã đề ra, nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường đầu tư phát triển bền vững trong những năm tiếp theo;
- Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đánh giá cao vai trò điều hành hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, đặc biệt là Tổng giám đốc đã điều hành công ty đạt kết quả kinh doanh tốt và ổn định trong năm vừa qua;
- Đồng thời, Hội đồng quản trị cũng luôn theo sát và tiếp thu ý kiến đóng góp của Ban Tổng Giám đốc, ban kiểm soát trong công tác quản trị, định hướng và thống nhất chủ trương, giải pháp điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong từng giai đoạn, trong từng thời kỳ để đạt được kết quả kinh doanh tốt nhất trong thời gian tới;

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị.

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (HĐQT):

- Tên, chức vụ, số lượng sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại tổ chức niêm yết:
  - + Ông Nguyễn Mạnh Hà, chủ tịch HĐQT, tỷ lệ sở hữu TLH: 19,55%
  - + Bà Phạm Thị Hồng, TV HĐQT kiêm TGD, tỷ lệ sở hữu TLH: 11,35%
  - + Ông Nguyễn Văn Quang, TV HĐQT kiêm phó TGD, tỷ lệ sở hữu TLH: 9,44%
  - + Ông Dương Quang Bình, TV HĐQT kiêm phó TGD, tỷ lệ sở hữu TLH: 0,03%
  - + Ông Đặng Tuấn Đại, TV HĐQT độc lập, tỷ lệ sở hữu TLH: 0.02%
- Các chứng khoán khác do Công ty phát hành: *không có*.

#### b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: *không có*.

#### c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị đã nghiêm túc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 và các nội dung trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Từng tháng, từng quý, Hội đồng quản trị có tổ chức họp định kỳ xem xét, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của tháng, của quý và đề ra các giải pháp, mục tiêu, phương hướng cho việc thực hiện kỳ tới;
- Các Nghị quyết hội đồng quản trị đề ra trong năm 2017 là hợp pháp, đúng với Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, có tác dụng định hướng trung và dài hạn, đề ra các giải pháp phù hợp sâu sát với hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Nội dung các cuộc họp hội đồng quản trị mang tính thiết thực, giải quyết kịp thời có

hiệu quả các vấn đề phát sinh cấp thiết của Công ty; Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc, các Phòng ban, đơn vị thành viên; điều hành sản xuất kinh doanh vượt qua khó khăn, thách thức, duy trì hoạt động của toàn hệ thống;

- Các thành viên hội đồng quản trị tuân thủ đầy đủ Điều lệ, Quy chế quản lý, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện nhiệm vụ một cách năng động, tận tụy, có trách nhiệm.

*Các hoạt động của Hội đồng quản trị đều thực hiện đúng với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong năm 2017 và quyền hạn theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty quy định.*

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

- Thành viên hội đồng quản trị độc lập đóng một vai trò hết sức quan trọng trong các cuộc họp của hội đồng quản trị, trong các cuộc họp giữa hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc;
- Luôn theo sát các Nghị quyết hội đồng quản trị, các kết quả đạt được trong hoạt động giám sát, kiểm tra công tác quản trị và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện trong năm 2017.
- Hiện tại, Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

- Trong năm 2017, Công ty đã cử các thành viên Hội đồng quản trị và các cá nhân liên quan tham gia các khóa đào tạo về công tác quản trị do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM tổ chức;
- Kế hoạch sắp tới là tiếp tục cử các thành viên Hội đồng quản trị còn lại tham gia các khóa đào tạo trên khi cần thiết;

Thành viên Hội đồng quản trị tham dự chương trình quản trị công ty năm 2017, bao gồm:

- Ông Dương Quang Bình, thành viên HĐQT kiêm phó Tổng giám đốc;
- Ông Đặng Tuấn Đại, thành viên HĐQT độc lập.

## 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát (BKS):

- Tên, chức vụ, số lượng sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại tổ chức niêm yết:
  - + Bà Lê Thị Hồng Liễu, Trưởng BKS, tỷ lệ sở hữu TLH: 0.02%
  - + Bà Cao Thị Hoài Thu, thành viên BKS, tỷ lệ sở hữu TLH: 0.02%
  - + Bà Nguyễn Thị Tâm, thành viên BKS, tỷ lệ sở hữu TLH: 0.00%
- Các chứng khoán khác do Công ty phát hành: *không có*.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Tiếp tục duy trì kiểm soát nội bộ, đặc biệt là công tác bán hàng và quản lý công nợ,

thắt chặt quản lý rủi ro trong kinh doanh và tài chính;

- Tăng cường công tác dự báo về giá thế giới và trong nước để đưa ra các chiến lược và giải pháp kinh doanh phù hợp;
- Xây dựng cơ chế phân quyền và giám sát thực hiện của các đơn vị thành viên, đảm bảo cho các đơn vị thành viên có cơ hội tự chủ phát triển nhưng vẫn đảm bảo tính thống nhất trong toàn hệ thống Công ty;
- Giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc luôn có sự phối hợp chặt chẽ, tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có Ban kiểm soát tham dự và giám sát.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.**

a) Thu nhập của Ban điều hành và Hội đồng quản trị công ty năm 2017 là: 2.576.919.438 đồng, trong đó:

- Thu nhập Tổng Giám đốc công ty là: 607.500.000 đồng.
- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

**GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY NIÊM YẾT**

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng ...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch HĐQT	16,525,440	19,52%	18,177,984	19,55%	Chia cổ tức bằng cổ phiếu
2	Phạm Thị Hồng	TV HĐQT Tổng Giám đốc	9,589,442	11,33%	10,548,825	11,35%	Chia cổ tức bằng cổ phiếu
3	Nguyễn Văn Quang	TV HĐQT Phó Tổng Giám đốc	7,979,290	9,43%	8,777,218	9,44%	Chia cổ tức bằng cổ phiếu
4	Dương Quang Bình	TV HĐQT Phó Tổng Giám đốc	24,034	0,03%	26,437	0,03%	Chia cổ tức bằng cổ phiếu
5	Đặng Tuấn Đại	TV HĐQT	18,025	0,02%	19,827	0,02%	Chia cổ tức bằng cổ phiếu
6	Lê Thị Hồng Liễu	Trưởng BKS	18,025	0,02%	19,827	0,02%	Chia cổ tức bằng cổ phiếu
7	Cao Thị Hoài Thu	TV BKS	18,065	0,02%	19,871	0,02%	Chia cổ tức bằng cổ phiếu
8	Nguyễn Thị Tâm	TV BKS	-	0,00%	-	0,00%	Chia cổ tức bằng cổ phiếu
9	Đào Thị Kim Loan	Kế toán trưởng Người công bố thông tin	61,718	0,07%	67,889	0,07%	Chia cổ tức bằng cổ phiếu
10	Đào Cao Cường	Em ruột Kế toán trưởng	4,085	0,0048%	5	0,00%	Bán cổ phiếu

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: *không có*.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: *không có*.

## VI. Báo cáo tài chính.

### 1. Ý kiến kiểm toán.



Số: 080318.004/BCTC.KT2

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiên Lên**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiên Lên được lập ngày 01 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

T: (84) 24 3824 1980 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Lê Phong Hầu, Hanoi, Vietnam. A member of International

[aasc.com.vn](http://aasc.com.vn)

HÀNG KIỂM TOÁN AASC

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiên Lên tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

A handwritten signature in black ink, likely belonging to Trương Thị Hoài Anh.

**Vũ Xuân Biễn**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0743-2018-002-1

**Trương Thị Hoài Anh**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2446-2018-002-1

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2018

## 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

## Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.257.958.164.556</b>	<b>1.771.901.209.296</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	160.182.246.769	85.175.085.583
111	1. Tiền		81.143.663.130	44.684.379.519
112	2. Các khoản tương đương tiền		79.038.583.639	40.490.706.064
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	5.687.847.979	10.909.265.025
121	1. Chứng khoán kinh doanh		7.760.015.535	17.202.950.886
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(2.072.167.556)	(6.293.685.861)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		608.734.998.521	271.776.478.184
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	585.982.881.373	231.788.795.209
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	23.776.328.562	25.647.413.515
133	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	-	10.620.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	12.466.283.036	6.559.562.191
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(13.490.494.450)	(2.839.292.753)
140	IV. Hàng tồn kho	10	1.477.033.698.466	1.393.933.544.679
141	1. Hàng tồn kho		1.499.863.608.722	1.414.547.457.418
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(22.829.910.256)	(20.613.912.739)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.319.372.821	10.046.835.825
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		688.477.113	704.161.403
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		5.630.895.708	9.342.652.843
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	-	21.579
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>634.031.011.531</b>	<b>621.924.923.999</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.346.100.000	10.600.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	4.346.100.000	10.600.000
220	II. Tài sản cố định		320.156.710.532	327.164.715.799
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	198.301.635.557	205.030.467.684
222	- Nguyên giá		375.438.997.378	363.052.370.099
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(177.137.361.821)	(158.021.902.415)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	121.855.074.975	122.134.248.115
228	- Nguyên giá		131.160.907.720	130.115.306.720
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.305.832.745)	(7.981.058.605)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	26.005.034.255	-
231	- Nguyên giá		26.005.034.255	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	64.378.274.440	89.515.555.921
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		64.378.274.440	89.515.555.921
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	217.417.533.742	192.719.868.209
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		217.417.533.742	192.719.868.209
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.727.358.562	12.514.184.070
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.727.358.562	12.514.184.070
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.891.989.176.087</b>	<b>2.393.826.133.295</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.320.832.069.094</b>	<b>1.083.987.954.593</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.320.683.069.094</b>	<b>1.083.832.154.593</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	313.947.955.378	103.765.251.200
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.281.103.271	15.985.001.879
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	35.141.947.291	38.016.018.602
314	4. Phải trả người lao động		6.405.529.227	6.693.770.636
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	3.213.865.775	1.187.782.860
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	72.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	1.431.669.796	2.585.591.103
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	953.006.773.130	909.660.303.087
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.254.225.226	5.866.435.226
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>149.000.000</b>	<b>155.800.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		149.000.000	155.800.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.571.157.106.993</b>	<b>1.309.838.178.702</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	21	<b>1.571.157.106.993</b>	<b>1.309.838.178.702</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		929.623.130.000	846.455.640.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		929.623.130.000	846.455.640.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		21.743.395.153	21.743.395.153
415	3. Cổ phiếu quỹ		(8.993.360.790)	(8.993.360.790)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		51.546.932.622	51.546.932.622
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		548.255.792.749	373.898.475.504
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		207.545.421.504	(83.008.033.965)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		340.710.371.245	456.906.509.372
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		28.981.217.259	25.187.096.213
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.891.989.176.087</b>	<b>2.393.826.133.295</b>

Đỗ Thị Kim Dung  
Người lậpĐỗ Thị Kim Loan  
Kế toán trưởngNguyễn Mạnh Hà  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đồng Nai, ngày 01 tháng 03 năm 2018

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

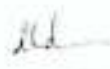
Báo cáo tài chính hợp nhất


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT


Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	4.972.694.192.712	4.044.573.550.973
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	1.142.631.566	2.144.922.083
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.971.551.561.146	4.042.428.628.890
11	4. Giá vốn hàng bán	25	4.372.611.938.603	3.381.389.716.213
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		598.939.622.543	661.038.912.677
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	8.002.552.143	6.400.690.250
22	7. Chi phí tài chính	27	77.742.895.646	62.471.437.292
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		79.688.338.669	62.071.147.672
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		24.697.665.533	28.246.190.320
25	9. Chi phí bán hàng	28	61.290.192.032	49.168.707.825
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	54.266.606.386	39.207.783.567
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		438.340.146.155	544.837.864.569
31	12. Thu nhập khác	30	3.385.597.701	4.143.203.552
32	13. Chi phí khác	31	3.626.105.418	1.428.339.774
40	14. Lợi nhuận khác		(2.240.507.717)	2.714.863.778
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		436.099.638.438	547.552.728.347
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	89.421.936.565	78.768.267.619
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	(586.550.592)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		346.677.701.873	469.371.011.320
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		348.710.371.245	456.906.509.372
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		5.967.330.628	12.464.501.948
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	3.724	4.993

  
Đỗ Thị Kim Dung  
Ngoại lập

  
Đỗ Thị Kim Loan  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Minh Hà  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Đồng Nai, ngày 01 tháng 03 năm 2018

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		416.099.638.438	547.552.728.347
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		22.746.990.639	21.827.663.008
03	- Các khoản dự phòng		8.705.680.931	(73.799.726.193)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(6.980.628)	(46.898.570)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(29.252.541.625)	(31.616.827.201)
06	- Chi phí lãi vay		79.688.538.669	62.071.147.672
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		317.981.326.424	525.988.087.063
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(346.638.367.934)	49.630.704.551
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(85.317.717.512)	(556.087.805.102)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		199.260.655.378	4.021.907.689
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		407.931.181	661.762.996
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		9.442.935.351	6.700.986.430
14	- Tiền lãi vay đã trả		(77.897.870.868)	(62.514.107.606)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(96.341.422.775)	(37.066.561.967)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(327.687.000)	(266.143.720)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		120.569.782.245	(77.931.169.666)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(6.551.208.062)	(11.311.470.305)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		227.272.727	227.272.727
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.779.246.451	3.608.753.555
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.544.688.884)	(7.475.444.023)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		3.840.017.995.797	3.622.147.228.963
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(3.796.671.525.754)	(3.550.037.673.667)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(85.355.389.582)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(42.008.919.539)	72.109.555.296
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		75.016.173.822	(13.297.058.393)

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

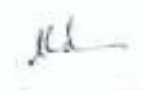
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**


Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		85.175.085.583	98.467.847.773
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(9.012.636)	4.296.203
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>160.182.246.769</u>	<u>85.175.085.583</u>

  
 Đỗ Thị Kim Dung  
 Người lập

  
 Đào Thị Kim Loan  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Mạnh Hà  
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đồng Nai, ngày 01 tháng 01 năm 2018

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



**Chủ tịch HĐQT  
NGUYỄN MANH HÀ**